

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Hoa

Bà Nguyễn Thị Rạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Tấn P**, sinh năm 1981; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7 ấp Đ, xã V, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1989; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã G, huyện N, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Trần Tấn P trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T tự tìm hiểu nhau tiến tới hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 22/5/2015. Sau khi kết hôn, ông và bà T sống với gia đình bên bà T tại xã G, huyện N, tỉnh Long An. Đến tháng 01 năm 2016, ông và bà Thảo P sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là ông có đề nghị ông và bà T về gia đình của ông tại xã V, huyện B, tỉnh Tây Ninh để sinh sống và làm ăn, nhưng bà T không đồng ý. Nên ông đã tự ý bỏ về gia đình bên ông tại xã V, huyện B, tỉnh Tây Ninh sinh sống từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay và cũng lâu không có liên hệ gì với bà T. Ông xác định tình cảm vợ

chồng không còn và không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, ông và bà Nguyễn Thị T không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Ông xác định ông và bà T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định ông và bà T không có nợ ai.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng của Tòa án, thể hiện việc ông P yêu cầu được ly hôn với bà T, nhưng bà T vẫn không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của ông P.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Nguyên đơn là ông Trần Tấn P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Tấn P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Bà T đang cư trú tại xã G, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là ông Trần Tấn P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là bà Nguyễn Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Tấn P:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, ông Trần Tấn P và bà Nguyễn Thị T tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 50/2015 Quyền số 01/2015 đăng ký ngày 22/5/2015 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp, nên hôn nhân giữa ông P và bà T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng, bà T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc ông P yêu cầu được ly hôn với bà T tại Tòa án, nhưng bà T không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông P. Mặt khác, theo lời trình bày của ông P thì ông P và bà

T sống chung với nhau chỉ được có 04 tháng. Sau đó, ông P bỏ về nhà cha mẹ ruột của ông P tại xã V, huyện B, tỉnh Tây Ninh sinh sống từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay và không liên lạc gì với bà T, nguyên nhân là do bà T không đồng ý về sinh sống với ông P tại tỉnh Tây Ninh. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định giữa ông P và bà T có mâu thuẫn và quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc ông P vẫn cương quyết ly hôn với bà T là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận xử cho ông Trần Tấn P được ly hôn với bà Nguyễn Thị T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Do bà T cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày; Ông P xác định ông P và bà T không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4.3] Về chia tài sản và nợ chung: Do bà T cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày; Ông P xác định giữa ông P và bà T không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc ông Trần Tấn P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 228 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trần Tấn P về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với bà Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Ông Trần Tấn P được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Buộc ông Trần Tấn P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004031 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Ông Trần Tấn P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn là ông Trần Tấn P có mặt có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là bà Nguyễn Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã V, huyện B, tỉnh Tây Ninh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Tiên Phương